

KẾ HOẠCH
Xây dựng lực lượng vận động viên tham gia
Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026

Thực hiện Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển thể dục Thể thao của tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh về việc Triển khai Đề án "Phát triển Thể dục thể thao của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045", giai đoạn 2023 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch xây dựng lực lượng vận động viên tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ xây dựng lực lượng vận động viên theo Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển thể dục Thể thao của tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Tập trung làm tốt công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên (VĐV) các đội tuyển thể thao thành tích cao của tỉnh; tạo các điều kiện thuận lợi để huấn luyện viên, vận động viên được tập huấn, thi đấu và học tập kinh nghiệm thi đấu trong và ngoài nước, giành thành tích cao tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế hàng năm, phấn đấu giành thành tích cao nhất tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần X năm 2026.

2. Yêu cầu

- Công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng vận động viên phải được tổ chức bài bản, khoa học, đạt chất lượng cao và mục tiêu đề ra.

- Công tác quản lý nhà nước về việc xây dựng lực lượng vận động viên thể thao và việc thực hiện chính sách đối với vận động viên phải thật sự thiết thực, hiệu quả, đúng quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển toàn diện thể thao thành tích cao Thanh Hóa đến năm 2026; tập

trung tổ chức tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, thi đấu cho lực lượng vận động viên các đội tuyển thể thao thành tích cao của tỉnh; tổ chức, tham gia thi đấu các giải quốc gia, quốc tế và thi đấu tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026, khẳng định vị thế của thể thao thành tích cao Thanh Hóa; tạo động lực quan trọng để phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng và phục vụ mục tiêu cao hơn tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ XI năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tập trung đầu tư cho các VĐV trọng điểm, xuất sắc ở từng môn thể thao, trong đó ưu tiên phát triển các môn thể thao có truyền thống, thể mạnh, các môn có nhiều huy chương và các môn thể thao trong chương trình Đại hội Olympic, Châu Á, Đông Nam Á.

- Phần đầu có nhiều vận động viên xuất sắc tham gia, đoạt giải tại các giải đấu quốc tế, khu vực; phần đầu giành khoảng 65 huy chương vàng và giữ vững vị trí thứ IV tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026.

- Tập trung đầu tư 20 môn thể thao trọng điểm (trên tổng số 35 môn thể thao tham gia Đại hội) có khả năng đóng góp nhiều HCV tại Đại hội, như: Điền kinh, Bắn súng, Bắn cung, Bơi, Lặn, Vovinam, Pencaksilat, Karate, Vật, Cử tạ, Muay, Jujitsu, Võ cổ truyền, Wushu, Xe đạp, Boxing, Đua thuyền, Judo, Taekwondo, Triathlon (3 môn phối hợp), Cầu mây.

- Phần đầu có 650 chuyên gia, huấn luyện viên, vận động viên của 35 môn thể thao được tham gia tập huấn, thi đấu tại Đại hội, trong đó, có 150 chuyên gia (trong, ngoài nước), huấn luyện viên và 500 vận động viên.

3. Một số chỉ tiêu thành tích:

3.1. Các môn thể thao trọng điểm loại I dự kiến đạt

STT	Đội tuyển	Chỉ tiêu (HCV)	Ghi chú
1	Bắn súng – Bắn cung	04	
2	Bơi	04	
3	Lặn	04	
4	Pencaksilat	04	
5	Cử tạ	04	
6	Vovinam	04	
7	Muay	04	
8	Điền kinh	03	
9	Karate	03	
10	Vật	03	
11	Đua thuyền	03	
12	Jujitsu	03	
13	Võ cổ truyền	03	

14	Judo	02	
15	Taekwondo	02	
16	Triathlon	02	
17	Wushu	02	
18	Xe đạp	02	
19	Boxing	02	
20	Cầu mây	01	

Riêng đội tuyển Bóng chuyên nữ phần đấu có thứ hạng cao tại giải vô địch quốc gia hàng năm và Đại hội.

3.2. Các môn thể thao loại 2 dự kiến đạt

STT	Đội tuyển	Chỉ tiêu (HCV)	Ghi chú
1	Bóng bàn	01	
2	Kick Boxing	01	
3	Đấu kiếm	01	
4	Kurash	01	
5	Bi sắt	01	
6	Quần vợt	01	

3.3. Các môn thể thao có khả năng đạt thành tích huy chương bạc, đồng

Cầu lông, Gofl, Đá cầu, Cờ, Bóng rổ, Billiard & Snooker, Võ gậy (arnis), các môn thể thao khác khi có cơ hội, điều kiện và Điều lệ Đại hội.

4. Xây dựng lực lượng huấn luyện viên, vận động viên

- Thực hiện đủ chỉ tiêu 800 VĐV trong năm 2024, 2025 và 1000 VĐV vào năm 2026; trong đó, lựa chọn khoảng 75 HLV và khoảng 400 VĐV để đầu tư trọng điểm nhằm nâng cao trình độ hàng năm.

- Hằng năm, lựa chọn, cử khoảng 60 HLV, VĐV các môn thể thao đi tập huấn, thi đấu nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thi đấu tại một số nước Đông Nam Á, Châu Á, Châu Âu; lựa chọn, cử 350 HLV và VĐV đi tập huấn, thi đấu cọ xát tại các Trung tâm thể thao lớn trên toàn quốc.

(có Phụ lục 1 và 2 kèm theo).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, thi đấu

- Công tác tuyển chọn vận động viên các đội tuyển thể thao tham dự đại hội phải được tiến hành chặt chẽ, khoa học theo kế hoạch và căn cứ vào thành tích thi đấu của các vận động viên tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế từ năm 2021 - 2023; đồng thời, thường xuyên định kỳ đánh giá phân loại lực lượng vận động viên để có phương thức đầu tư thích hợp trong từng giai đoạn huấn

luyện chuyên môn. Chủ động, mạnh dạn lựa chọn những VĐV thực sự tài năng, có khả năng đạt huy chương vàng, để có chế độ đầu tư đặc biệt trong giai đoạn 2024 - 2026.

- Thường xuyên cử VĐV đi tập huấn trong nước và nước ngoài (ngắn hạn và dài hạn) vào thời điểm thích hợp để nhanh chóng nâng cao trình độ chuyên môn cho VĐV, đáp ứng nhiệm vụ thi đấu tại đại hội, đồng thời là nền móng cho Đoàn thể thao tham dự chu kỳ đại hội tiếp theo đảm bảo tính bền vững, cơ bản lâu dài trong chiến lược đào tạo vận động viên.

- Huấn luyện viên trưởng, các đội tuyển thể thao xây dựng chương trình, kế hoạch tập huấn khoa học, chặt chẽ, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu trong từng giai đoạn huấn luyện, làm tốt yêu cầu về tổ chức quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng, chuyên môn như: tăng cường cho vận động viên thi đấu để cọ xát, rèn luyện tâm lý và nâng cao trình độ, thành tích tại các giải thể thao trong nước và quốc tế.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư các môn thể thao mũi nhọn, trọng điểm. Xác định rõ, chính xác nội dung, cơ cấu các môn, phương thức đầu tư từng môn thể thao, trong đó chú trọng các môn thể thao trọng điểm loại I quốc gia, các môn thể thao Olympic, các môn thể thao đã và đang có ưu thế, có triển vọng thành tích ở khu vực và toàn quốc. Đánh giá, rút kinh nghiệm ở một số môn thể thao chưa đạt hiệu quả trong giai đoạn 2018 - 2022, tập trung đầu tư các môn thể thao, vận động viên trọng điểm để đạt thành tích cao trong giai đoạn 2024 - 2026 và tại đại hội.

- Nghiên cứu thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm trực tiếp huấn luyện cho một số đội tuyển thể thao mũi nhọn, trọng điểm: Điền kinh, Bắn súng - Bắn cung, Bơi, Lặn, Vovinam, Pencaksilat, Karate, Vật, Cử tạ, Muay, Jujitsu, Võ cổ truyền, Wushu, Xe đạp, Boxing, Đua thuyền, Judo, Taekwondo, Triathlon (3 môn phối hợp), Cầu mây, Bóng chuyền. Tiếp tục kiểm tra, rà soát về chất lượng và bổ sung kịp thời về đội ngũ huấn luyện viên đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, huấn luyện chuyên môn.

- Tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của Trung ương và tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, thành, đơn vị như: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Quân đội, Cần Thơ, các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia... để cử đội tuyển đi tập huấn dã ngoại. Duy trì tốt mối quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức xã hội về thể thao các nước: Trung Quốc, Hàn Quốc và một số nước có nền thể thao phát triển của khu vực Đông Nam Á và các nước Châu Âu trong công tác đào tạo vận động viên và thi đấu giao lưu trao đổi kinh nghiệm, kể cả việc chuyển nhượng vận động viên theo Luật Thể dục thể thao.

- Việc khảo sát, lựa chọn địa điểm tập huấn, thi đấu dã ngoại trong và ngoài nước, công tác tuyển chọn, thành lập các đội thể thao đi tập huấn, thi đấu phải đảm bảo an toàn, hiệu quả, giúp VĐV đạt được thành tích cao nhất; chuyên gia, huấn luyện viên và vận động viên xuất sắc phải đảm bảo yêu cầu về chuyên

môn, được hợp đồng, bổ sung theo các quy định hiện hành nhằm hoàn thành các chỉ tiêu thi đấu tại các giải quốc gia, quốc tế hàng năm và tại Đại hội.

- Đảm bảo đầy đủ kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, tập huấn, thi đấu hàng năm và đại hội; việc sử dụng kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

2. Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây mới các cơ sở vật chất thể dục thể thao đảm bảo việc xây dựng lực lượng và thi đấu thể thao thành tích cao

- Tập trung đầu tư sửa chữa và nâng cấp các cơ sở tập luyện hiện có, trong đó sửa chữa nâng cấp một số hạng mục thiết yếu đã xuống cấp tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao Thanh Hóa (Số 24 Hoàng Văn Thụ, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa) và Nhà Thi đấu TDTT Thanh Hóa (Số 89 Lê Hoàn, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa); triển khai xây mới một số công trình TDTT cấp tỉnh theo quy hoạch.

- Tăng cường đầu tư nguồn ngân sách giai đoạn 2024 - 2026 để nâng cao và đảm bảo chế độ, chính sách cho huấn luyện viên, vận động viên; đầu tư mua sắm các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, thi đấu cho các đội tuyển thể thao của tỉnh, ưu tiên VDV các đội tuyển mũi nhọn tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X; mở rộng quy mô hoạt động và mua sắm thêm một số trang thiết bị y học thể dục thể thao hiện đại để chăm sóc, theo dõi sức khỏe, hồi phục sau tập luyện, thi đấu và chữa trị chấn thương cho các vận động viên.

- Đăng cai tổ chức thi đấu các môn thể thao quốc gia hằng năm và một số môn thể thao trong chương trình Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026 để tạo cơ hội thuận lợi nhằm tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ mọi mặt về chuyên môn, cơ sở vật chất, kỹ thuật của Trung ương và phục vụ công tác tập huấn, thi đấu đối với các đội tuyển thể thao thể mạnh của tỉnh.

- Tăng cường vận động, có cơ chế, chính sách để khuyến khích, thu hút các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phục vụ công tác đào tạo vận động viên và hỗ trợ, tài trợ kinh phí nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống, sinh hoạt, tập luyện, thi đấu của HLV, VDV và các Đội tuyển thể thao.

3. Xây dựng và thực hiện hiệu quả các quy định về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên

- Nghiên cứu xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi đối với HLV, VDV theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, các quy định hiện hành và phù hợp mục tiêu của thể thao tỉnh nhà, cũng như nhu cầu thực tế của HLV, VDV trong tập luyện, thi đấu các giải quốc gia, quốc tế và Đại hội, góp phần khích lệ, động viên, thu hút HLV, VDV tài năng yên tâm cống hiến, phục vụ cho thể thao tỉnh nhà, như: tiền lương, tiền công, tiền thưởng, chế độ ăn, ngủ

trong tập huấn, thi đấu, ưu đãi về học tập, việc làm sau khi thôi làm nhiệm vụ VĐV, điều trị chấn thương, chữa bệnh và chế độ khác cho VĐV đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao toàn quốc và quốc tế.

- Tăng cường và làm tốt công tác quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với việc xây dựng lực lượng vận động viên thể thao và việc thực hiện chính sách đối với vận động viên phải thật sự thiết thực, hiệu quả, kịp thời, đúng quy định.

4. Công tác xã hội hóa

Tăng cường công tác xã hội hóa để tạo nguồn lực ngoài ngân sách Nhà nước phục vụ HLV, VĐV thể thao; nghiên cứu tạo cơ chế thuận lợi để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong nước, quốc tế mang thương hiệu và tài trợ hiện vật, kinh phí cho các đội tuyển thể thao tập huấn và thi đấu có hiệu quả.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch được huy động từ nhiều nguồn bao gồm: Ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, liên doanh, liên kết, huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, doanh nghiệp, các nhân trong và ngoài tỉnh.

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp được bố trí hàng năm

- Mua sắm trang thiết bị kỹ thuật, dụng cụ thể thao, các thiết bị y học hiện đại phục vụ các đội tuyển tập huấn và thi đấu.

- Kinh phí cho các đội tuyển mũi nhọn tập huấn ở nước ngoài và thuê chuyên gia huấn luyện các đội tuyển thể thao trọng điểm: Điền kinh, Bắn súng - Bắn cung, Bơi, Lặn, Vovinam, Pencak Silat, Karate, Vật, Cử tạ, Muay, Jujitsu, Võ cổ truyền, Wushu, Xe đạp, Boxing, Đua thuyền, Judo, Taekwondo, Triathlon (3 môn phối hợp), Cầu mây, Bóng chuyền,... Kinh phí đáp ứng chế độ dinh dưỡng, thực phẩm chức năng trong tập huấn và thi đấu của các đội tuyển theo quy định.

- Chi phí tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao, bao gồm: các chi phí thực hiện kiểm tra (test), tổ chức đào tạo, học phí, chính sách ưu đãi cho các VĐV, HLV, chi phí đi lại, ăn, ở, lương, bảo hiểm, chi phí hỗ trợ cho VĐV, HLV trong quá trình đào tạo, huấn luyện, tập huấn, thi đấu và các chi phí khác theo quy định hiện hành trong suốt quá trình đào tạo, huấn luyện và thi đấu, thực hiện các chế độ đãi ngộ, ưu đãi theo quy định.

2. Kinh phí xã hội hóa

- Vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng, hợp tác khai thác hoạt động các công trình TDTT bằng nhiều hình thức theo quy định.

- Tiếp tục kêu gọi, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp ủng hộ tài trợ cho các đội tuyển thể thao. Tập trung ở một số đội tuyển

mũi nhọn: Điền kinh, Bắn súng - Bắn cung, Bơi, Lặn, Vovinam, Pencak Silat, Karate, Vật, Cử tạ, Muay, Jujitsu, Võ cổ truyền, Wushu, Xe đạp, Boxing, Đua thuyền, Judo, Taekwondo, Triathlon (*3 môn phối hợp*), Cầu mây, Bóng chuyền,....

3. Khái quát kinh phí (từ năm 2024 đến năm 2026):

Tổng kinh phí thực hiện: Dự kiến khoảng 68.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tám tỷ đồng*). Trong đó:

- Ngân sách nhà nước: Dự kiến khoảng 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng*).

- Nguồn xã hội hoá ước tính: Khoảng 8.000.000.000 đồng (*Tám tỷ đồng*).

(Có dự toán kinh phí kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan lập dự toán và sử dụng kinh phí tập huấn, thi đấu, đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, thi đấu,... đáp ứng yêu cầu phát triển thành tích cho VĐV đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định, tuyệt đối không để xảy ra việc tiêu cực, thất thoát, lãng phí; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi, chính sách khen thưởng, chế độ đặc thù đối với HLV, VĐV thể thao thành tích cao của tỉnh theo tình hình thực tế và đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường; tổ chức các giải thi đấu cho học sinh phổ thông các cấp nhằm xây dựng và phát triển lực lượng VĐV tuyển III và tuyển IV của tỉnh.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

- Chỉ đạo Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao:

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch này và kế hoạch tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, tập huấn, thi đấu đối với các VĐV; tiến hành khảo sát địa điểm, điều kiện chuyên môn trước khi cử HLV, VĐV đi tập huấn để phù hợp với trình độ chuyên môn của các đội tuyển nhằm chuẩn bị tốt lực lượng VĐV tham gia thi đấu các giải quốc gia, quốc tế và tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026;

+ Phối hợp với các địa phương, đơn vị quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác tuyển chọn, đào tạo VĐV năng khiếu và tập huấn lực lượng VĐV của tỉnh theo quy định; thực hiện chính sách khen thưởng HLV, VĐV đạt thành tích xuất sắc của địa phương, đơn vị; phối hợp sử dụng các công trình TDTT các cấp trên địa bàn tỉnh.

+ Hàng năm lập danh sách HLV, VĐV trọng điểm của các môn thể thao trình duyệt theo quy định; lập danh sách, đề xuất chủ trương cử HLV, VĐV đi đào tạo, tập huấn nước ngoài trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện đảm bảo đúng trình tự và đúng quy định.

+ Hàng năm lập dự toán kinh phí tập huấn trong nước, tập huấn nước ngoài, kế hoạch mua sắm trình phê duyệt theo đúng quy định.

+ Lập dự toán kinh phí tập huấn trong nước, tập huấn nước ngoài, thuê HLV, VĐV Đội Bóng chuyền nữ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

2. Sở Tài chính

- Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách; phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước; kiểm tra, hướng dẫn việc sử dụng, quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

- Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch xây dựng lực lượng vận động viên, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm; phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất bố trí nguồn vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thể dục thể thao theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới chính sách khen thưởng, chế độ chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, VĐV thể thao thành tích cao của tỉnh trong và sau khi tập luyện, thi đấu đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

- Thẩm định, tham mưu trình cấp có thẩm quyền về biên chế lực lượng huấn luyện viên cho các đội tuyển thể thao của tỉnh theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

5. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành, địa

phương, đơn vị có liên quan kịp thời tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thể thao, đảm bảo tốt công tác đào tạo, tập huấn, thi đấu thể thao thành tích cao.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường; xây dựng các câu lạc bộ thể thao và tổ chức các giải thi đấu cho học sinh phổ thông các cấp làm cơ sở xây dựng và phát triển lực lượng VĐV tuyển III và tuyển IV của tỉnh; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho VĐV thể thao trong việc học văn hóa các cấp theo quy định.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Quan tâm tổ chức các phong trào thể dục thể thao, qua đó, kịp thời phát hiện các vận động viên thể thao có năng khiếu, triển vọng nhằm tạo nguồn đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao.

- Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh trong việc sử dụng các công trình thể dục thể thao của địa phương, tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo và trong suốt quá trình học tập, thi đấu, thực hiện các chính sách của vận động viên.

8. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan

Căn cứ Kế hoạch này và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ động và phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch đạt kết quả./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX (ngocnd).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Thanh Tùng

PHỤ LỤC 1: Chỉ tiêu đào tạo lực lượng vận động viên đến năm 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / 01 /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Phân kỳ thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Thực hiện	Tập huấn, thi đấu trong nước	Tập huấn, thi đấu ngoài nước	Ghi chú
1	Giai đoạn 1 (2023)	800	695	0	0	
2	Giai đoạn 2 (2024)	800	800	350	60	
3	Giai đoạn 3 (2025)	800	800	350	60	
4	Giai đoạn 4 (2026)	1000	1000	350	60	

PHỤ LỤC 2: Chỉ tiêu huy chương Đại hội và địa điểm tập huấn nước ngoài

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / 01 /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Đội tuyển	Chỉ tiêu (HCV)	Dự kiến địa điểm tập huấn nước ngoài	Ghi chú
1	Điền kinh	03	Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản	
2	Bắn súng - Bắn cung	04	Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc	
3	Bơi	04	Trung Quốc, Hungary, Anh, Nga, Đông Nam Á	
4	Lặn	04	Trung Quốc, Đông Nam Á	
5	Judo	02	Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản	
6	Pencaksilat	04	Indonesia, Đông Nam Á	
7	Taekwondo	02	Trung Quốc, Hàn Quốc	
8	Karate	03	Nhật Bản, Đông Nam Á	
9	Vật	03	Trung Quốc, Châu Á	
10	Bóng bàn	01	Trung Quốc, Hàn Quốc	
11	Kick Boxing	01	Thái Lan, Đông Nam Á	
12	Cử tạ	04	Trung Quốc, Châu Âu	
13	Đua thuyền	03	Trung Quốc, Hungary, Đông Nam Á	
14	Triathlon	02	Trung Quốc, Đông Nam Á	
15	Cầu mây	01	Thái Lan, Đông Nam Á	
16	Vovinam	04	Thái Lan, Pháp	
17	Wushu	02	Trung Quốc, Thái Lan, Đông Nam Á	
18	Bóng chuyền nữ		Thái Lan, Đông Nam Á	
19	Xe đạp	02	Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia	
20	Jujitsu	03	Thái Lan, Pháp, Philippines	
21	Boxing	02	Thái Lan, Philippines	
22	Đấu kiếm	01	Hàn Quốc, Châu Âu	
23	Kurash	01	Uzbekistan, Châu Á	
24	Muay	04	Thái Lan, Đông Nam Á	
25	Võ cổ truyền	03	Đông Nam Á	
26	Bi sắt	01	Đông Nam Á	
27	Quần vợt	01	Thái Lan, Đông Nam Á	

PHỤ LỤC 3: Dự toán tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch và theo từng năm giai đoạn 2024 - 2026
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Năm 2024			Năm 2025			Năm 2026			Kinh phí giai đoạn 2024-2026			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách nhà nước	Xã hội hoá	Tổng	Ngân sách nhà nước	Xã hội hoá	Tổng	Ngân sách nhà nước	Xã hội hoá	Tổng	Ngân sách nhà nước	Xã hội hoá	
	Tổng cộng	22.720.000.000	20.020.000.000	2.700.000.000	22.720.000.000	20.020.000.000	2.700.000.000	22.720.000.000	20.020.000.000	2.700.000.000	68.160.000.000	60.060.000.000	8.100.000.000	
1	Kinh phí tập huấn trong nước và nước ngoài	9.000.000.000	9.000.000.000		11.000.000.000	11.000.000.000		13.000.000.000	13.000.000.000		33.000.000.000	33.000.000.000		
-	Tập huấn trong nước	3.000.000.000	3.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000		12.000.000.000	12.000.000.000		
-	Tập huấn, thi đấu nước ngoài	6.000.000.000	6.000.000.000		7.000.000.000	7.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000		21.000.000.000	21.000.000.000		Chênh lệch tỷ giá USD và chi phí khác
2	Kinh phí mua sắm trang thiết bị kỹ thuật, dụng cụ tập luyện thi đấu và trang thiết bị phục vụ phục hồi chức năng	10.000.000.000	10.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000		24.000.000.000	24.000.000.000		
3	Thuê huấn luyện viên, vận động viên Bóng chuyền	3.720.000.000	1.020.000.000	2.700.000.000	3.720.000.000	1.020.000.000	2.700.000.000	3.720.000.000	1.020.000.000	2.700.000.000	11.160.000.000	3.060.000.000	8.100.000.000	Theo hợp đồng hàng năm
Làm tròn											68.000.000.000	60.000.000.000	8.000.000.000	